| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG TRÔM**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 28/3/2023<br>V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Ngô Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đỗ Thanh Tuyến.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà C có có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:*

Bà và ông Phạm Thanh P tự nguyên kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/4/2009. Trong quá trình chung sống bà và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông P sống không có trách nhiệm với vợ con, thường hay cờ bạc, nhậu nhẹt. Không những vậy, ông P còn hay qua lại với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ, hàn gắn nhưng ông P vẫn không chịu sửa đổi. Dần dần, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng tăng, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, gia đình không còn hạnh phúc. Hiện nay giữa bà và ông P không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên bà xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông P có 02 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 23/10/2009 và Phạm Thị Bích T, sinh ngày 31/8/2012 hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu ông P cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu*:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim C. Bà C được ly hôn với ông Phạm Thanh P. Giao con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 23/10/2009 và Phạm Thị Bích T, sinh ngày 31/8/2012 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung bà C trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Thanh P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C và ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà C và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/4/2009. Bà C cho rằng cuộc sống hôn nhân của bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P sống không có trách nhiệm với vợ con, thường hay cờ bạc, nhậu nhẹt. Không những vậy, ông P còn hay qua lại với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ, hàn gắn nhưng ông P vẫn không chịu sửa đổi. Đối với ông P, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông P vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông P. Đồng thời, Tòa án cũng không tổ chức được phiên hòa giải để động viên bà C và ông P đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, bà C đã khẳng định mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình*: "Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..."*. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình..."*. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa bà C và ông P đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, theo tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện trong cuộc sống hôn nhân của bà C và ông P cũng đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ lâu, hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn cùng nhau chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

[3] Về con chung: Giữa bà C và ông P có hai con là Phạm Thanh T, sinh ngày 23/10/2009 và Phạm Thị Bích T, sinh ngày 31/8/2012, hiện đang sống với bà C.

Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, yêu cầu ông P cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét thấy hiện tại bà C đang nuôi hai con, đồng thời sau khi được hỏi ý kiến thì cháu Phạm Thanh T và Phạm Thị Bích T đều có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của các con nên cần giao hai con cho bà Chi được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Bà C là người trực tiếp nuôi hai con, do đó, ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của bà C về việc ông P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C và ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dung án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim C. bà Trần Thị Kim C được ly hôn với ông Phạm Thanh P.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 23/10/2009 và Phạm Thị Bích T, sinh ngày 31/8/2012 cho bà C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc ông P cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu T 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 28/3/2023.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0011221 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà C đã nộp đủ án phí.

Ông P phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã An Bình Tây
huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Gẩm**